TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2025/QĐST-VHNGĐ	

Sầm Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THANH HÓA

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 60/2025/TLST- HNGĐ, ngày 23/6/2025 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Bùi Minh H - sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện Cẩm T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là thôn G, xã C, tỉnh Thanh Hóa).

2. Chị Dương Thị T - sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa (Nay là tổ dân phố H, phường S, tỉnh Thanh Hóa).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T, kết hôn với nhau vào năm 2012, là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã C, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi cưới về vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm nhau, không có tiếng nói chung khiến vợ chồng thường xuyên cải vả. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình

cảm vợ chồng của anh chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2]. Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là cháu Bùi Dương Tuấn K - sinh ngày 13/6/2013. Ly hôn anh, chị thống nhất giao cháu Bùi Dương Tuấn K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi cháu K thành niên; Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Sự thỏa thuận của anh chị về người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật, nên chấp nhận là đúng với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản, công nợ chung: Anh, chị thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh H và chị T thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án. Anh, chị thỏa thuận anh H nộp 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi Minh H và chị Dương Thị T thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Anh chị thống nhất có 01 con chung là cháu Bùi Dương Tuấn K - sinh ngày 13/6/2013. Ly hôn anh chị thống nhất giao cháu Bùi Dương Tuấn K cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Bùi Minh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng) kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi cháu K thành niên; anh Bùi Minh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

* *Về tài sản, công nợ chung:* Anh, chị thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Bùi Minh H nộp 300.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai số: 0000723 ngày 23/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Công nhận anh Bùi Minh H nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng GĐKT TA Tỉnh;
- UBND xã Cẩm Tú;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng